

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

Tháng 8 năm 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 30

32971-
3 TY
HÂN
CÔNG NGH
N DỤNG
U KHÍ
T. BÀ RI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Sỹ Hoàng
Ông Trần Ngọc Lâm
Ông Ngô Bùi Ngọc

Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2022)
Thành viên
Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Hưng
Ông Hồ Sỹ Hoàng
Ông Phạm Mạnh Cường
Ông Nguyễn Văn Hoàn

Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2022)
Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2022)
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty/Doanh nghiệp trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên

Ông Nguyễn Quang Hưng
Ông Hồ Sỹ Hoàng

Chức vụ

Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2022)
Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 




NGUYỄN QUANG HÙNG
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 8 năm 2022



Số: 169/VACO/BCSX.HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 11 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" có giá trị 14.081.452.138 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là giá trị lợi thế kinh doanh của công trình Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4 và 35K đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nằm trong phần giá trị doanh nghiệp do đánh giá lại khi cổ phần hoá. Nếu hạch toán theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thì giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp được hạch toán vào "Chi phí trả trước dài hạn" và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; đồng thời, khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm chi một khoản tương ứng.

00
NH
CH
TỶ
HỮ
ÁN
O
P
Y
0832
IG TY
PHÂN
ÔNG N
DỤ M
KHÍ
A RM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 32 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, số liệu so sánh được trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác nhưng chưa được các cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 61/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022. Báo cáo kiểm toán phát hành với ý kiến kiểm toán ngoại trừ do: (i) Không đánh giá được khả năng thu hồi khoản tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu; (ii) Công ty ghi nhận khoản lợi thế kinh doanh doanh của công trình Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4 và 35K đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”, vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo bán niên tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như trình bày tại đoạn Cơ sở của kết luận ngoại trừ trên đây.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 12 tháng 8 năm 2021 đưa ra kết luận ngoại trừ.



Chữ Mạnh Hoan

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho

**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		330.788.261.581	331.846.986.097
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	45.868.350.462	45.951.299.542
1. Tiền	111		552.350.462	635.299.542
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.316.000.000	45.316.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136.306.063.176	138.914.429.604
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	189.040.981.588	190.923.418.460
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.380.389.927	2.417.563.966
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	10.889.143.983	11.577.899.500
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(66.004.452.322)	(66.004.452.322)
III. Hàng tồn kho	140	9	148.613.847.943	146.981.256.951
1. Hàng tồn kho	141		148.613.847.943	147.948.746.327
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(967.489.376)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.649.390.970	35.014.964.630
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.897.200.000	12.897.200.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	12.897.200.000	12.897.200.000
II. Tài sản cố định	220		4.892.759.215	6.258.332.875
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.892.759.215	6.258.332.875
- Nguyên giá	222		62.847.710.246	64.522.080.963
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.954.951.031)	(58.263.748.088)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.081.452.138	14.081.452.138
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	14.081.452.138	14.081.452.138
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	1.777.979.617	1.777.979.617
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.940.000.000	2.940.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.162.020.383)	(1.162.020.383)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		364.437.652.551	366.861.950.727

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		173.799.879.758	176.130.977.923
I. Nợ ngắn hạn	310		160.897.291.174	163.228.389.339
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	81.932.160.672	84.251.222.728
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	18.853.535.405	18.663.185.405
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	24.342.095.781	26.288.002.656
4. Phải trả người lao động	314		778.586.770	515.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		413.062.106	423.195.472
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.821.455	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	34.018.480.991	32.525.712.862
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	500.000.000	500.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		56.547.994	62.070.216
II. Nợ dài hạn	330		12.902.588.584	12.902.588.584
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	12.902.588.584	12.902.588.584
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		190.637.772.793	190.730.972.804
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	190.637.772.793	190.730.972.804
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.519.193.263	14.519.193.263
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(123.881.420.470)	(123.788.220.459)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		(123.788.220.459)	(93.468.987.402)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(93.200.011)	(30.319.233.057)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		364.437.652.551	366.861.950.727

Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu

Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng




Nguyễn Quang Hưng
Giám đốc


Vũng Tàu, ngày 15 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	3.566.207.757	4.205.555.179
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.566.207.757	4.205.555.179
4. Giá vốn hàng bán	11	21	2.491.490.181	13.718.787.441
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.074.717.576	(9.513.232.262)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	632.818.260	666.769.302
7. Chi phí tài chính	22	24	23.554.797	773.754.105
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	23.554.797	762.081.840
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	5.848.073.344	3.496.996.618
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - 26}	30		(4.164.092.305)	(13.117.213.683)
10. Thu nhập khác	31	26	4.939.753.322	5.729.188.066
11. Chi phí khác	32	27	868.861.028	1.127.135.589
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.070.892.294	4.602.052.477
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(93.200.011)	(8.515.161.206)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		(93.200.011)	(8.515.161.206)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(3)	(284)


Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu


Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hưng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 8 năm 2022


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ


(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHI TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(93.200.011)	(8.515.161.206)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.365.573.660	1.680.499.471
- Các khoản dự phòng	03	(967.489.376)	(863.857.317)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(728.272.805)	(705.200.525)
- Chi phí lãi vay	06	23.554.797	762.081.840
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(399.833.735)	(7.641.637.737)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	2.608.366.428	15.561.433.270
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(665.101.616)	(4.564.338.313)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.317.630.740)	(10.602.445.922)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(31.500.000)	(1.108.058.056)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.522.222)	(232.724.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(811.221.885)	(8.587.770.758)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	95.454.545	68.181.818
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	632.818.260	666.769.302
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	728.272.805	734.951.120
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	7.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	7.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(82.949.080)	(352.819.638)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	45.951.299.542	46.313.777.790
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	45.868.350.462	45.960.958.152


Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu


Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hưng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500832971 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 38 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 59 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;
- Môi giới bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Thi công, mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các hệ thống: Báo cháy tự động, chữa cháy, chống sét, camera quan sát, tổng đài điện thoại, thang máy, điện, điện lạnh, hệ thống chiếu sáng, cấp thoát nước; Kinh doanh các thiết bị, máy móc, vật tư ngành xây dựng, công nghiệp và khai khoáng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lập dự án đầu tư; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; sản xuất gạch nhẹ;
- Gia công cơ khí (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất gia công tại các phường 1,2,3,4,5,6,7,8 và phường Thắng Tam thuộc Thành phố Vũng tàu, chỉ được phép hoạt động khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh môi trường);
- Sản xuất chế tạo thang cáp, máng cáp, bảng tủ điện, bảng tủ điều khiển các loại;
- Xây dựng công nghiệp dân dụng;
- Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ; Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu đô thị; Thi công xây dựng đường dây và trạm biến thế điện trung thế đến 35KV.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công nghiệp dân dụng và kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được trình bày cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- (a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- (b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- (c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a,b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí Quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 12
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	04 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Quỹ đầu tư phát triển: được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (“PVC”)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”)
Ban quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim - PVC
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty mẹ của Công ty
Công ty mẹ của PVC
Đơn vị trực thuộc của PVN
Đơn vị thành viên thuộc PVN
Đơn vị thành viên thuộc PVN
Đơn vị thành viên thuộc PVN
Cùng chủ sở hữu với PVC
Cùng chủ sở hữu với PVC
Công ty con của PVC
Công ty con của PVC
Công ty con của PVC
Công ty con của PVC
Công ty con của PVC
Công ty con của PVC
Công ty liên kết của PVC
Công ty liên kết của PVC
Công ty liên kết của PVC
Công ty liên kết của PVC
Công ty liên kết của PVC
Công ty liên kết của PVC
Công ty liên kết của PVC
Công ty liên kết của PVC
Công ty liên kết của PVC
Công ty liên kết của PVC
Công ty liên kết của PVC
Quản lý chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	102.026.488	571.901.561
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	450.323.974	63.397.981
Các khoản tương đương tiền (i)	45.316.000.000	45.316.000.000
Cộng	45.868.350.462	45.951.299.542

Ghi chú:

- (i) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ 01 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu (“Ngân hàng”) đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước. Theo công văn số 542/2020/CV-PGD.PTCN ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Ngân hàng, khoản tiền gửi này sẽ được chỉ trả khi có chỉ đạo từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai, không có rủi ro tổn thất và theo đó không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	128.782.504.044	131.309.885.070
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	92.007.848.140	94.535.229.166
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	26.096.125.925	26.096.125.925
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí	8.538.696.871	8.538.696.871
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.068.344.626	2.068.344.626
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	71.488.482	71.488.482
b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	60.258.477.544	59.613.533.390
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn	21.759.494.013	21.759.494.013
Công ty Cổ phần Đầu tư Huy Thanh	13.000.000.000	13.000.000.000
Các khách hàng khác	25.498.983.531	24.854.039.377
Cộng	189.040.981.588	190.923.418.460

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH MTV Hiếu Liêm	675.218.967	675.218.967
Công ty TNHH Thiết kế Kiến trúc xanh	320.712.625	320.712.625
Công ty TNHH Thảo Truyền	250.000.000	250.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí 42 và Xây dựng Thăng Long	235.090.337	-
Các đối tượng khác	899.367.998	1.171.632.374
Cộng	2.380.389.927	2.417.563.966

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
a) Ngắn hạn		
a1) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	1.684.702.504	1.774.198.370
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.282.372.955	1.371.868.821
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí	402.329.549	402.329.549
a2) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.204.441.479	9.803.701.130
Tạm ứng cho nhân viên	1.544.924.253	2.385.147.764
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.268.873.511	3.268.873.511
Các khách hàng khác	4.390.643.715	4.149.679.855
Cộng	10.889.143.983	11.577.899.500
b) Dài hạn		
Dự án Chung cư Long Sơn Riverside (i)	12.897.200.000	12.897.200.000
Cộng	12.897.200.000	12.897.200.000

Ghi chú:

- (i) Đây là giá trị vốn góp trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) để đối trừ công nợ phải thu từ Petroland. Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, các bên thống nhất hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” trên khu đất có diện tích 4.863 m² tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi dự án hoàn thành, các bên được phân chia sản phẩm và lợi nhuận tương ứng với giá trị vốn góp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” đã thi công xong. Ban Giám đốc Công ty đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, không có rủi ro tổn thất và theo đó không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản đối với khoản góp vốn vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

8. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng	59.361.253.634	-	59.361.253.634	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	26.096.125.925	-	26.096.125.925	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn	21.759.494.013	-	21.759.494.013	-
- Các đối tượng khác	11.505.633.696	-	11.505.633.696	-
b) Trả trước cho người bán	1.403.404.965	-	1.403.404.965	-
c) Phải thu khác	5.239.793.723	-	5.239.793.723	-
Cộng	66.004.452.322	-	66.004.452.322	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	281.485.430	-	1.249.316.442	(967.489.376)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	148.332.362.513	-	146.699.429.885	-
Cộng	148.613.847.943	-	147.948.746.327	(967.489.376)

Ghi chú:

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công trình chung cư số 33A, đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu	33.419.453.708	33.416.632.253
Công trình thi công một số hạng mục Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1	39.861.428.748	39.810.200.356
Công trình thi công một số hạng mục Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	72.971.469.320	71.393.409.405
Công trình Viện Dầu khí - Giai đoạn 2	1.853.714.647	1.853.714.647
Các công trình khác	226.296.090	225.473.224
Cộng	148.332.362.513	146.699.429.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	16.299.859.621	40.435.532.619	6.245.428.000	1.541.260.723	64.522.080.963
- Thanh lý, nhượng bán	-	(935.643.273)	-	(738.727.444)	(1.674.370.717)
Số dư cuối năm	16.299.859.621	39.499.889.346	6.245.428.000	802.533.279	62.847.710.246
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	14.380.828.006	37.062.295.209	5.279.364.150	1.541.260.723	58.263.748.088
- Khấu hao trong năm	623.158.224	534.234.516	208.180.920	-	1.365.573.660
- Thanh lý, nhượng bán	-	(935.643.273)	-	(738.727.444)	(1.674.370.717)
Số dư cuối năm	15.003.986.230	36.660.886.452	5.487.545.070	802.533.279	57.954.951.031
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.919.031.615	3.373.237.410	966.063.850	-	6.258.332.875
Tại ngày cuối năm	1.295.873.391	2.839.002.894	757.882.930	-	4.892.759.215

Ghi chú:

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 26.549.049.203 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 27.821.740.266 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu	7.358.452.138	7.358.452.138
Cao ốc văn phòng 35K đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu	6.723.000.000	6.723.000.000
Cộng	<u>14.081.452.138</u>	<u>14.081.452.138</u>

Ghi chú:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại Cao ốc văn phòng 35D và 35K đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu bao gồm lợi thế kinh doanh được phân bổ trên cơ sở mục đích sử dụng của các thửa đất và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt NamMÃ SỐ B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	-	50.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đông mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	2.890.000.000	(1.162.020.383)	2.890.000.000	(1.162.020.383)
Cộng	2.940.000.000	(1.162.020.383)	2.940.000.000	(1.162.020.383)

Ghi chú:

(i) Giá trị hợp lý:

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của nó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả các bên liên quan	15.333.725.101	15.333.725.101	15.588.249.817	15.588.249.817
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.388.680.688	1.388.680.688	1.643.205.404	1.643.205.404
- Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	195.228.500	195.228.500	195.228.500	195.228.500
- Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	259.778.108	259.778.108	259.778.108	259.778.108
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	8.608.599.625	8.608.599.625	8.608.599.625	8.608.599.625
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	2.775.388.658	2.775.388.658	2.775.388.658	2.775.388.658
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522
b) Phải trả người bán khác	66.598.435.571	66.598.435.571	68.662.972.911	68.662.972.911
- Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Đại Dương	8.321.903.344	8.321.903.344	8.321.903.344	8.321.903.344
Các đối tượng khác	58.276.532.227	58.276.532.227	60.341.069.567	60.341.069.567
Cộng	81.932.160.672	81.932.160.672	84.251.222.728	84.251.222.728

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	18.458.040.405	18.458.040.405
Ban quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	17.612.939.300	17.612.939.300
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	845.101.105	845.101.105
b) Người mua trả tiền trước khác	395.495.000	205.145.000
Cộng	18.853.535.405	18.663.185.405

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.914.152.347	5.295.059	855.000.000	6.064.447.406
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.790.664.747	-	-	3.790.664.747
Thuế thu nhập cá nhân	238.227.851	8.806.629	18.816.017	228.218.463
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.237.771.571	2.758.173.927	-	8.995.945.498
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (i)	9.107.186.140	(3.841.366.473)	3.000.000	5.262.819.667
Cộng	26.288.002.656	(1.069.090.858)	876.816.017	24.342.095.781

Ghi chú:

- (i) Các khoản phải nộp khác trong kỳ bao gồm tiền chậm nộp của thuế GTGT, thuế TNDN và tiền thuê đất tại 35D đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu được miễn giảm cho năm 2020 và năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	876.130.315	1.051.523.775
- Bảo hiểm xã hội	489.173.655	547.478.950
- Bảo hiểm y tế	136.990.949	101.436.597
- Bảo hiểm thất nghiệp	24.946.555	30.852.930
- Phải trả phí bảo trì Chung cư 33A (i)	13.493.865.050	13.357.070.275
- Tiền lãi vay phải trả	1.815.632.452	1.823.255.395
Phải trả ngắn hạn khác	17.181.742.015	15.614.094.940
Cộng	34.018.480.991	32.525.712.862

Ghi chú:

Đây là phí bảo trì nhà chung cư 33A, đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bà Lê Thị Tố Nga	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000

Ghi chú:

Vay ngắn hạn của Bà Lê Thị Tố Nga có thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay là 9,5%/năm.

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình Tòa nhà 33A đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu	12.902.588.584	12.902.588.584
Cộng	12.902.588.584	12.902.588.584

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	14.519.193.263	(93.468.987.402)	221.050.205.861
Lợi nhuận trong năm	-	-	(30.319.233.057)	(30.319.233.057)
Số dư đầu kỳ này	300.000.000.000	14.519.193.263	(123.788.220.459)	190.730.972.804
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(93.200.011)	(93.200.011)
Số dư cuối kỳ	300.000.000.000	14.519.193.263	(123.881.420.470)	190.637.772.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	153.000.000.000	51,00%	153.000.000.000	51,00%
Các cổ đông khác	147.000.000.000	49,00%	147.000.000.000	49,00%
Cộng	300.000.000.000	100,00%	300.000.000.000	100,00%

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	(2.821.455)	(52.808.139)
Doanh thu hoạt động khác	3.569.029.212	4.258.363.318
Cộng	3.566.207.757	4.205.555.179

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng (i)	-	10.172.289.146
Giá vốn doanh bất động sản	(2.821.455)	(44.560.866)
Giá vốn hoạt động khác	3.461.801.012	3.591.059.161
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(967.489.376)	-
Cộng	2.491.490.181	13.718.787.441

Ghi chú:

(i) Đây là giá vốn ghi nhận bổ sung của các công trình đã hoàn thành các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.194.163.711	1.909.724.288
Chi phí nhân công	3.173.006.140	3.649.927.517
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.365.573.660	1.680.499.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.723.238.599	12.586.655.195
Chi phí khác bằng tiền	3.494.958.569	1.953.315.901
Cộng	10.950.940.679	21.780.122.372

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	632.818.260	666.769.302
Cộng	632.818.260	666.769.302

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	23.554.797	762.081.840
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	11.672.265
Cộng	23.554.797	773.754.105

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi trả trợ cấp thôi việc	52.820.000	50.509.500
Chi phí nhân viên	1.448.718.939	731.994.060
Chi phí đồ dùng văn phòng	66.924.709	61.743.909
Chi phí khấu hao tài sản cố định	623.158.224	623.158.224
Thuế, phí và lệ phí	2.761.173.927	790.544.536
Chi phí dịch vụ mua ngoài	385.328.546	524.127.160
Các khoản chi phí QLDN khác	509.948.999	714.919.229
Cộng	5.848.073.344	3.496.996.618

26. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	95.454.545	38.431.223
Thu nhập từ bán phế liệu	-	2.163.272.637
Tiền chậm nộp thuế được giảm (i)	4.574.285.141	-
Các khoản khác	270.013.636	3.527.484.206
Cộng	4.939.753.322	5.729.188.066

Ghi chú:

- (i) Đây là tiền chậm nộp của thuế GTGT, thuế TNDN và tiền thuế đất tại 35D đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu được miễn giảm cho năm 2020 và năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

27. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Các khoản bị phạt	857.070.628	1.095.083.488
Các khoản khác	11.790.400	32.052.101
Cộng	868.861.028	1.127.135.589

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(93.200.011)	(8.515.161.206)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	857.070.628	1.095.083.488
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	(4.574.285.141)	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(3.810.414.524)	(7.420.077.718)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

29. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(93.200.011)	(8.515.161.206)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(93.200.011)	(8.515.161.206)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3)	(284)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản vay	500.000.000	500.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	45.868.350.462	45.951.299.542
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	190.637.772.793	190.730.972.804
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 03.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.868.350.462	45.951.299.542
Phải thu khách hàng và phải thu khác	143.553.999.738	146.125.192.127
Đầu tư tài chính dài hạn	1.777.979.617	1.777.979.617
Tổng cộng	191.200.329.817	193.854.471.286
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	500.000.000	500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	112.607.767.737	113.222.387.943
Chi phí phải trả	413.062.106	423.195.472
Tổng cộng	113.520.829.843	114.145.583.415

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán như trình bày tại Thuyết minh số 03, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cô đồng cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.868.350.462	-	45.868.350.462
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.656.799.738	12.897.200.000	143.553.999.738
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	1.777.979.617	1.777.979.617
Tổng cộng	176.525.150.200	14.675.179.617	191.200.329.817
Số cuối kỳ			
Các khoản vay	500.000.000	-	500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	112.607.767.737	-	112.607.767.737
Chi phí phải trả	413.062.106	-	413.062.106
Tổng cộng	113.520.829.843	-	113.520.829.843
Chênh lệch thanh khoản thuần	63.004.320.357	14.675.179.617	77.679.499.974

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.951.299.542	-	45.951.299.542
Phải thu khách hàng và phải thu khác	133.227.992.127	12.897.200.000	146.125.192.127
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	1.777.979.617	1.777.979.617
Tổng cộng	179.179.291.669	14.675.179.617	193.854.471.286
Số đầu kỳ			
Các khoản vay	500.000.000	-	500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	113.222.387.943	-	113.222.387.943
Chi phí phải trả	423.195.472	-	423.195.472
Tổng cộng	114.145.583.415	-	114.145.583.415
Chênh lệch thanh khoản thuần	65.033.708.254	14.675.179.617	79.708.887.871

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
		VND	VND
- Ông Hồ Sỹ Hoàng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	135.207.773	154.009.482
- Ông Trần Ngọc Lâm	Thành viên Hội đồng Quản trị	21.000.000	25.750.000
- Ông Ngô Bùi Ngọc	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	21.000.000	-
- Ông Nguyễn Quang Hưng	Giám đốc	127.371.227	-
- Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Giám đốc	116.931.693	132.336.499
- Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc	127.969.431	144.403.455
Cộng		549.480.125	456.499.436

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tuy nhiên, báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được các cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 61/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại	Số sau phân loại
		VND	VND	VND
Phải thu dài hạn khác	216	-	12.897.200.000	12.897.200.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15.837.200.000	(12.897.200.000)	2.940.000.000

Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu

Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hưng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 8 năm 2022



Số: 508/CNDD-TCTH

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 8 năm 2022

V/v: Giải trình một số nội dung tại Báo cáo soát
xét thông tin tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán
từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Trước hết Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) xin gửi
tới Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng.

Nhằm làm rõ một số nội dung tại Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ cho kỳ
kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng
Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) xin có một số ý kiến giải trình như sau:

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

* Như trình bày tại Thuyết minh số 11 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ,
khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” có giá trị 14.081.452.138 VND tại ngày 30 tháng 6
năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là giá trị lợi thế kinh doanh của công trình Cao ốc văn
phòng 35D đường 30/4 và 35K đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng
Tàu, nằm trong phần giá trị doanh nghiệp do đánh giá lại khi cổ phần hoá. Nếu hạch toán theo quy
định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thì giá trị lợi thế
kinh doanh phát sinh trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp được hạch toán vào “Chi phí trả
trước dài hạn” và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; đồng thời, khoản mục
chi phí xây dựng cơ bản dở dang và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm chi một
khoản tương ứng

Giải trình của Công ty: Hiện tại Công ty đang làm thủ tục xin gia hạn và chuyển quyền sử
dụng đất tại khu cao ốc văn phòng số 35D và 35K đường 30/4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu, mặc dù Hợp đồng thuê đất đã hết hạn và Công ty đã làm các thủ tục trình lên các sở ban
ngành của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xin gia hạn Hợp đồng, hàng năm Công ty vẫn nộp đầy đủ tiền
thuê đất theo thông báo của Chi Cục thuế Khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo. Công ty sẽ làm việc với
các sở ngành tại địa phương nếu không được gia hạn thời gian thuê đất thì Công ty sẽ phân bổ
khoản chi phí này vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong 6 tháng cuối năm 2022.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng
Dầu khí để làm rõ một số nội dung tại Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ cho kỳ kế
toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022. Kính đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch
chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TC-TH, (Inh, 4)

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
VÀ DÂN DỤNG
DẦU KHÍ
TP. VŨNG TÀU - T. BÀ RIỆU - VŨNG TÀU
S.Đ.Đ. K.Đ. 3500832971-C.T.C.P.
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG HÙNG